

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 04 - 2020

Về việc Ly hôn và con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương

Ông Hoàng Đức Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo -Thư ký Tòa án nhân dân Huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2020/QĐST-HGND, ngày 18 tháng 3 năm 2020, Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2020/TB-TA, ngày 03 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đàm Thị T; Nơi cư trú: Thôn 01, xã L, Huyện T, thành phố H; Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức H; Nơi cư trú: Thôn 01, xã L, Huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đàm Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức H kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, Huyện T, thành phố H vào ngày 28 tháng 9 năm 1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại thôn 01, xã L, Huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng. Nguyên nhân do tính

tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, năm 2011 anh H làm ăn thua lỗ đã bỏ nhà đi và vợ chồng cũng không còn tài sản gì, ba mẹ con chị phải về nhà của bố mẹ đẻ ở nhờ, anh H đi từ đó đến nay cũng không về, không có trách nhiệm gì với các con và cũng không có tin tức, liên lạc gì với chị và các con, năm 2019 chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Đức H mất tích, tại quyết định số 07/2019/QĐST-VDS ngày 11 tháng 7 năm 2019 Tòa án đã tuyên bố anh Nguyễn Đức H mất tích. Nay để ổn định cuộc sống chị Đàm Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đức H có 02 con chung tên: Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 03/12/2000 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/12/2007, kể từ khi anh H bỏ nhà đi đến nay con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn hiện nay con chung tên Nguyễn Thị Kim N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Quỳnh N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh H đã được Tòa án tuyên bố mất tích nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Do anh H làm ăn thua lỗ phá sản, nên vợ chồng không có tài sản chung, vì vậy chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức H vắng mặt tại phiên tòa: Tại quyết định số 07/2019/QĐST-VDS ngày 11 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân Hện T đã tuyên bố anh Nguyễn Đức H mất tích, kể từ sau khi Tòa án tuyên bố mất tích cho đến nay anh Nguyễn Đức H vẫn không có tin tức gì, nay chị Đàm Thị T xin ly hôn Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và làm các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Nguyễn Đức H, thôn 01, xã L, Hện T, thành phố H và tại trụ sở Tòa án theo đúng quy định của pháp luật, nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Nguyễn Đức H vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đàm Thị T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Đàm Thị T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn là anh Nguyễn Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đàm Thị T tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đức H và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ nhân nhân: Cho chị Đàm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức H; Về con chung: Giao con chung tên: Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2007 cho

chị Đàm Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đàm Thị T không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung: Chị Đàm Thị T không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đàm Thị T; Bản sao Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2019/QĐST-VDS ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu tuyên bố anh Nguyễn Đức H mất tích; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L và Công an xã L, Hện T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Đàm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Đức H đã được Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng, song đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Nguyễn Đức H vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đàm Thị T và anh Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 28 tháng 9 năm 1999 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, do mâu thuẫn nên anh H đã bỏ nhà đi từ năm 2011 đến nay không về và cũng không có tin tức gì, chị Đàm Thị T đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố anh Nguyễn Đức H mất tích, tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2019/QĐST-VDS ngày 11 tháng 7 năm 2019 Tòa án nhân dân Hện T đã tuyên bố anh Nguyễn Đức H mất tích. Sau khi Tòa án tuyên bố mất tích cho đến nay cũng không có tin tức gì của anh Nguyễn Đức H. Nay để ổn định cuộc sống chị Đàm Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Đức H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại trụ sở Tòa án và nơi cư trú cuối cùng của anh Nguyễn Đức H, song đến ngày mở phiên tòa anh H vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn của chị Đàm Thị T. Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã kéo dài, trầm trọng và không còn khả năng đoàn tụ được nữa. Vì vậy căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn

nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị T, cho chị Đàm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

[3]. Về con chung: Chị Đàm Thị T và anh Nguyễn Đức H có 02 con chung tên: Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 03/12/2000 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/12/2007, kể từ khi anh H bỏ nhà đi đến nay con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn hiện nay con chung tên Nguyễn Thị Kim N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Quỳnh N, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Đức H vắng mặt không có ý kiến trình bày về con chung. Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện kể từ khi anh H bỏ nhà đi đến nay con chung do chị T nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặt khác con chung tên Nguyễn Quỳnh N có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị T để ổn định, cuộc sống học tập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung tên: Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/12/2007 cho chị Đàm Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Nguyễn Đức H được Tòa án tuyên bố mất tích, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về tài sản chung:

Chị Đàm Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức H vắng mặt chưa có ý kiến trình bày về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Đàm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đàm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức H.
2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 28/12/2007 cho chị Đàm Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đàm Thị T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003383, ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện T thành phố H. Chị Đàm Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND Hện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS Hện Thủy Nguyên;
- UBND xã L, Hện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND Hện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS Hện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, Hện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

